

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00001	Đàm Thị Thanh	An	07-11-80	Nữ	500		
2	.00002	Đậu Đức	An	20-08-85		500		
3	.00003	Bùi Thị Kim	Anh	05-03-91	Nữ	500		
4	.00004	Bùi Thị Vân	Anh	24-10-91	Nữ	500		
5	.00005	Đào Lan	Anh	16-10-91	Nữ	500		
6	.00006	Đoàn Văn	Anh	10-07-87		500		
7	.00007	Đỗ Hoàng	Anh	08-09-90		500		
8	.00008	Đỗ Phương	Anh	12-10-84	Nữ	500		
9	.00009	Hà Đức Tuấn	Anh	20-10-86		500		
10	.00010	Hà Kiều	Anh	25-08-93	Nữ	500		
11	.00011	Hoàng Thị Vân	Anh	05-08-93	Nữ	500		
12	.00012	Hoàng	Anh	07-12-83		500		
13	.00013	Hoàng Đình	Anh	22-02-90		500		
14	.00014	Lê Đức	Anh	19-12-89		500		
15	.00015	Lê Nhật	Anh	21-03-87		500		
16	.00016	Mai Tuấn	Anh	24-04-93		500		
17	.00017	Nguyễn Hà Đức	Anh	29-11-90		500		
18	.00018	Nguyễn Ngọc Hồng	Anh	03-11-90	Nữ	500		
19	.00019	Nguyễn Thị Nhật	Anh	13-11-92	Nữ	500		
20	.00023	Nguyễn Hoài	Anh	02-08-92	Nữ	500		
21	.00024	Nguyễn Quang	Anh	04-04-89		500		
22	.00025	Nguyễn Lê	Anh	06-08-90		500		
23	.00026	Nguyễn Ngọc	Anh	07-11-91	Nữ	500		
24	.00027	Nguyễn Lan	Anh	19-09-84	Nữ	500		
25	.00028	Nguyễn Tuấn	Anh	19-11-84		500		
26	.00029	Nguyễn Đức	Anh	20-05-89		500		
27	.00030	Nguyễn Trung	Anh	21-05-91		500		
28	.00031	Nguyễn Huyền	Anh	24-01-93	Nữ	500		
29	.00032	Nguyễn Tuấn	Anh	25-10-90		500		
30	.00033	Nguyễn Tuấn	Anh	26-11-83		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00020	Nguyễn Thị Kiều	Anh	20-08-92	Nữ	500		
2	.00021	Nguyễn Thị Vân	Anh	24-10-90	Nữ	500		
3	.00022	Nguyễn Thị Vân	Anh	21-06-85	Nữ	500		
4	.00034	Phan Tuấn	Anh	07-03-91		500		
5	.00035	Phạm Thị Quỳnh	Anh	24-12-93	Nữ	500		
6	.00036	Phạm Thị Nhung	Anh	29-09-92	Nữ	500		
7	.00037	Phạm Tuấn	Anh	08-06-86		500		
8	.00038	Phạm Mai	Anh	16-11-88	Nữ	500		
9	.00039	Phạm Quỳnh	Anh	26-11-94	Nữ	500		
10	.00040	Phạm Tuấn	Anh	09-05-88		500		
11	.00041	Phùng Thị Phương	Anh	24-08-92	Nữ	500		
12	.00042	Trần Mai	Anh	15-03-88	Nữ	500		
13	.00043	Trần Quang	Anh	26-10-90		500		
14	.00044	Trần Tuấn	Anh	26-11-92		500		
15	.00045	Trương Thị Quỳnh	Anh	22-10-91	Nữ	500		
16	.00046	Võ Thị Mai	Anh	14-06-90	Nữ	500		
17	.00047	Vũ Thị Mai	Anh	05-09-93	Nữ	500		
18	.00048	Vũ Thị Ngọc	Anh	28-03-80	Nữ	500		
19	.00049	Vũ Ngọc	Anh	03-11-82		500		
20	.00050	Vũ Nguyệt	Anh	08-02-87	Nữ	500		
21	.00051	Vũ Thế	Anh	14-12-86		500		
22	.00052	Vũ Xuân	Anh	15-12-91		500		
23	.00053	Lê Minh	An	25-11-90		500		
24	.00054	Mai Đức	An	01-02-79		500		
25	.00055	Đinh Thị Ngọc	ánh	05-01-89		500		
26	.00056	Nguyễn Thị	ánh	01-11-90	Nữ	500		
27	.00057	Nguyễn Ngọc	ánh	07-10-89	Nữ	500		
28	.00058	Đỗ Thành	Ấn	22-12-81		500		
29	.00059	Trương Quốc	Ấn	07-10-87		500		
30	.00060	Hà Thị Lưu	Ba	23-02-85	Nữ	500		

Tổng số 30 thí sinhSố thí sinh chính thức dự thi:Số bài thi:Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00061	Trương Xuân	Bách	08-05-86		500		
2	.00062	Trương Đình	Báo	03-01-92		500		
3	.00063	Bùi Nguyên	Bảo	24-09-92		500		
4	.00064	Trần Duy	Bảo	28-01-89		500		
5	.00065	Hà Trọng	Bắc	13-11-93		500		
6	.00066	Trần	Bắc	16-10-86		500		
7	.00067	Lê Huy	Bằng	24-03-91		500		
8	.00068	Nguyễn Cao	Bằng	16-05-93		500		
9	.00069	Nguyễn Công	Bằng	30-08-85		500		
10	.00070	Hồng Ngọc	Bích	05-10-88		500		
11	.00071	Lương Lê Ngọc	Bích	15-05-92	Nữ	500		
12	.00072	Vũ Ngọc	Bích	09-06-87	Nữ	500		
13	.00073	Hoàng Thị Thanh	Bình	11-04-77	Nữ	500		
14	.00074	Hoàng Nghĩa	Bình	09-06-90		500		
15	.00075	Hoàng Văn	Bình	30-05-88		500		
16	.00076	Nguyễn Thanh	Bình	01-05-90		500		
17	.00077	Nguyễn Đức	Bình	28-07-90		500		
18	.00078	Phạm Việt	Bình	22-10-89		500		
19	.00079	Nguyễn Thị	Canh	15-02-90	Nữ	500		
20	.00080	Lê Thị Quý	Chang	04-10-90	Nữ	500		
21	.00081	Nguyễn Minh	Châu	24-03-91	Nữ	500		
22	.00082	Phạm Thị Bảo	Châu	19-11-88	Nữ	500		
23	.00083	Trần Thị Bích	Châu	26-05-89	Nữ	500		
24	.00084	Nguyễn Văn	Chát	21-07-88		500		
25	.00085	Bùi Hà	Chi	12-11-88	Nữ	500		
26	.00086	Đỗ Thiện	Chiến	12-06-82		500		
27	.00087	Nguyễn Quang	Chiến	27-01-89		500		
28	.00088	Nguyễn Ngọc	Chiến	22-04-84		500		
29	.00089	Phan Chính	Chiến	24-07-91		500		
30	.00090	Trần	Chiến	14-11-91		500		

Tổng số 30 thí sinhSố thí sinh chính thức dự thi:Số bài thi:Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00091	Trần Văn	Chiến	20-12-90		500		
2	.00092	Hoàng Phương	Chi	05-11-91	Nữ	500		
3	.00093	Nguyễn Thị Hồng	Chi	22-05-87	Nữ	500		
4	.00094	Trần Thị Ngọc	Chi	28-09-88	Nữ	500		
5	.00095	Nguyễn Văn	Chính	16-02-88		500		
6	.00096	Nguyễn Văn	Chính	11-01-90		500		
7	.00097	Nguyễn Đức	Chung	05-11-89		500		
8	.00098	Phan Hoàng	Chung	29-09-87		500		
9	.00099	Phạm Văn	Chung	05-04-85		500		
10	.00100	Trần Thị	Chung	09-11-87	Nữ	500		
11	.00101	Trịnh Trọng	Chung	10-01-84		500		
12	.00102	Võ Thành	Chung	26-04-82		500		
13	.00103	Vũ Thành	Chung	12-02-91		500		
14	.00104	Kiều Văn	Chuyên	17-02-87		500		
15	.00105	Phạm Văn	Chuyên	11-10-88		500		
16	.00106	Đỗ Văn	Chuyên	27-04-84		500		
17	.00107	Lê Khang	Chúc	24-02-82		500		
18	.00108	Triệu Văn	Chúc	27-07-74		500		
19	.00109	Lê Huy	Chú	30-12-88		500		
20	.00110	Lê Thành	Công	01-07-88		500		
21	.00111	Nguyễn Khắc	Công	16-04-90		500		
22	.00112	Phạm Thành	Công	02-07-91		500		
23	.00113	Trần Hồng	Cơ	25-12-87		500		
24	.00114	Bùi Thị Kim	Cúc	24-11-89	Nữ	500		
25	.00115	Hoàng Thị	Cúc	30-05-91	Nữ	500		
26	.00116	Trương Văn	Cường	22-04-85		500		
27	.00117	Cao Đại	Cường	11-03-83		500		
28	.00118	Đào Mạnh	Cường	22-12-84		500		
29	.00119	Đặng Mạnh	Cường	20-01-85		500		
30	.00121	Hoàng Việt	Cường	26-05-92		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00120	Hoàng Ngọc	Cường	20-10-81		500		
2	.00122	Lê Bá	Cường	11-11-87		500		
3	.00123	Lê Mạnh	Cường	12-12-89		500		
4	.00124	Lê Mạnh	Cường	31-10-86		500		
5	.00125	Nguyễn Mạnh	Cường	06-07-79		500		
6	.00126	Nguyễn Mạnh	Cường	17-07-92		500		
7	.00127	Nguyễn Mạnh	Cường	23-07-85		500		
8	.00128	Phạm Đức	Cường	10-11-83		500		
9	.00129	Trần Mạnh	Cường	23-10-92		500		
10	.00130	Trần Danh	Cường	25-02-83		500		
11	.00131	Vũ Trung	Dân	20-11-89		500		
12	.00132	Trần Thanh	Diệp	04-05-84	Nữ	500		
13	.00133	Vũ Bạch	Diệp	04-04-87	Nữ	500		
14	.00134	Bùi Thị Thùy	Dung	05-08-85	Nữ	500		
15	.00135	Dương Thị Thùy	Dung	02-06-82	Nữ	500		
16	.00136	Lương Việt	Dung	02-11-90		500		
17	.00137	Nguyễn Thị Khánh	Dung	23-02-89	Nữ	500		
18	.00138	Nguyễn Thị	Dung	22-05-83	Nữ	500		
19	.00139	Phạm Ngọc	Dung	07-05-79		500		
20	.00140	Trần Thị	Dung	19-05-93	Nữ	500		
21	.00141	Vương Thị	Dung	14-12-87	Nữ	500		
22	.00142	Bùi Quang	Duy	14-06-88		500		
23	.00143	Nguyễn Thị	Duyên	19-05-91	Nữ	500		
24	.00144	Phạm Thị	Duyên	14-11-86	Nữ	500		
25	.00145	Trần Thị Thúy	Duyên	10-08-91	Nữ	500		
26	.00146	Vũ Thị	Duyên	22-06-91	Nữ	500		
27	.00147	Hoàng Khương	Duy	14-05-86		500		
28	.00148	Khổng Đức	Duy	27-01-87		500		
29	.00149	Nguyễn Hữu	Duy	06-07-91		500		
30	.00151	Nguyễn Mạnh	Duy	23-02-88		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00150	Nguyễn Quang	Duy	20-06-93		500		
2	.00152	Bùi Văn	Dũng	10-06-81		500		
3	.00153	Bùi Đức	Dũng	28-10-91		500		
4	.00154	Đinh Văn	Dũng	15-08-90		500		
5	.00155	Hà Đức	Dũng	04-09-88		500		
6	.00156	Hoàng Trung	Dũng	26-06-89		500		
7	.00157	Lại Trung	Dũng	19-08-89		500		
8	.00158	Ngô Quang	Dũng	08-05-84		500		
9	.00159	Ngô Dương	Dũng	08-11-90		500		
10	.00160	Nguyễn Văn	Dũng	08-09-92		500		
11	.00161	Nguyễn Việt	Dũng	12-11-91		500		
12	.00162	Nguyễn Văn	Dũng	13-01-87		500		
13	.00163	Nguyễn Huy	Dũng	19-11-84		500		
14	.00164	Nguyễn Mạnh	Dũng	28-04-90		500		
15	.00165	Nguyễn Trung	Dũng	31-08-82		500		
16	.00166	Trần Ngọc	Dũng	21-09-83		500		
17	.00167	Võ Xuân	Dũng	21-04-90		500		
18	.00168	Bùi Xuân	Dương	25-08-73		500		
19	.00169	Khuất Tuấn	Dương	09-11-83		500		
20	.00170	Lê Văn	Dương	22-10-90		500		
21	.00171	Lê Thùy	Dương	22-11-87	Nữ	500		
22	.00172	Ngô Thái	Dương	09-10-81		500		
23	.00173	Nguyễn Thùy	Dương	05-09-89	Nữ	500		
24	.00174	Nguyễn Ngọc	Dương	02-08-89		500		
25	.00175	Nguyễn Thùy	Dương	12-02-93	Nữ	500		
26	.00176	Nguyễn Đức	Dương	16-11-90		500		
27	.00177	Trần Phan Đại	Dương	10-07-88		500		
28	.00178	Trần Trọng	Dương	24-03-93		500		
29	.00179	Vũ Xuân	Dương	10-02-83		500		
30	.00180	Vũ Tiến	Dương	30-06-84		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00181	Nguyễn Anh	Đào	16-08-79	Nữ	500		
2	.00182	Nguyễn Bá	Đại	20-09-89		500		
3	.00183	Nguyễn Ngọc	Đại	25-09-90		500		
4	.00184	Bùi Tuấn	Đại	15-12-83		500		
5	.00185	Bùi Minh	Đại	15-12-89		500		
6	.00186	Đỗ Thành	Đại	09-10-87		500		
7	.00187	Nguyễn Đình	Đại	04-10-91		500		
8	.00188	Nguyễn Tiến	Đại	10-04-88		500		
9	.00189	Nguyễn Thành	Đại	10-07-93		500		
10	.00190	Nguyễn Hoàng	Đại	17-02-85		500		
11	.00191	Trần Hải	Đang	20-07-89		500		
12	.00192	Nguyễn Bá	Điệp	09-09-91		500		
13	.00193	Chu Bá	Đinh	22-11-90		500		
14	.00194	Bùi Trung	Định	28-02-90		500		
15	.00195	Nguyễn Văn	Định	14-02-85		500		
16	.00196	Lê Thị	Đoan	04-08-89	Nữ	500		
17	.00197	Lê Công	Đoàn	21-10-82		500		
18	.00198	Lê Văn	Đông	18-05-88		500		
19	.00199	Phan Thị	Đông	22-06-85	Nữ	500		
20	.00200	Lê Trần	Độ	30-04-90		500		
21	.00201	Dương	Đức	17-08-92		500		
22	.00202	Đặng Minh	Đức	01-07-85		500		
23	.00203	Đặng Tiến	Đức	30-10-83		500		
24	.00204	Đinh Kế	Đức	06-07-81		500		
25	.00205	Lê Anh	Đức	12-03-90		500		
26	.00206	Lê Thế	Đức	12-12-85		500		
27	.00207	Lê Tiến	Đức	16-05-90		500		
28	.00208	Ngô Anh	Đức	16-01-84		500		
29	.00209	Nguyễn Văn	Đức	04-09-92		500		
30	.00212	Nguyễn Tiến	Đức	07-05-91		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00210	Nguyễn Hữu	Đức	06-10-89		500		
2	.00211	Nguyễn Anh	Đức	07-02-89		500		
3	.00213	Nguyễn Trọng	Đức	09-02-87		500		
4	.00214	Nguyễn Anh	Đức	09-04-93		500		
5	.00215	Nguyễn Minh	Đức	30-10-80		500		
6	.00216	Phạm Trần	Đức	20-10-84		500		
7	.00217	Đặng Thu	Giang	19-09-93	Nữ	500		
8	.00218	Nguyễn Phan	Giang	02-06-86	Nữ	500		
9	.00219	Nguyễn Hoàng	Giang	16-09-93		500		
10	.00220	Nguyễn Thái	Giang	17-09-82		500		
11	.00221	Nguyễn Trường	Giang	26-10-91		500		
12	.00222	Phạm Thị Hà	Giang	10-03-79	Nữ	500		
13	.00223	Phạm Kiên	Giang	18-08-89		500		
14	.00224	Vũ Thị Quỳnh	Giang	15-09-91	Nữ	500		
15	.00225	Vũ Thị Hương	Giang	28-12-81	Nữ	500		
16	.00226	Lê Sỹ	Giảng	12-10-79		500		
17	.00227	Nhữ Văn	Hanh	10-10-84		500		
18	.00228	Bùi Mạnh	Hà	28-10-83		500		
19	.00229	Dương Thị Thu	Hà	19-08-91	Nữ	500		
20	.00230	Đặng Hồng	Hà	01-02-92		500		
21	.00231	Đinh Thị	Hà	23-02-85	Nữ	500		
22	.00232	Đỗ Ngọc	Hà	21-06-87		500		
23	.00233	Hoàng Lê Ngọc	Hà	20-12-89	Nữ	500		
24	.00234	Hoàng Ngọc	Hà	14-12-88		500		
25	.00235	Hoàng Hùng	Hà	23-11-84		500		
26	.00236	Đỗ Thị	Hài	24-01-92	Nữ	500		
27	.00237	Khuông Mạnh	Hà	20-03-90		500		
28	.00238	Lê Song	Hà	04-02-77	Nữ	500		
29	.00240	Lê Ngân	Hà	11-11-90	Nữ	500		
30	.00241	Lê Thị	Hà	16-10-82	Nữ	500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00239	Lê Thúy	Hà	09-04-64	Nữ	500		
2	.00242	Lê Thị	Hà	20-04-88	Nữ	500		
3	.00243	Ngô Thu	Hà	51-08-4	Nữ	500		
4	.00244	Nguyễn Mạnh	Hà	19-11-87		500		
5	.00245	Nguyễn Mạnh	Hà	22-06-84		500		
6	.00246	Nguyễn Mạnh	Hà	31-12-76		500		
7	.00247	Nguyễn Văn	Hào	17-09-83		500		
8	.00248	Phan Thị	Hà	18-06-92	Nữ	500		
9	.00249	Phạm Thị Thu	Hà	07-05-92	Nữ	500		
10	.00250	Phạm Thị Thái	Hà	20-01-78	Nữ	500		
11	.00251	Tạ Thị Thu	Hà	06-10-86	Nữ	500		
12	.00252	Trần Thanh	Hà	21-08-91	Nữ	500		
13	.00253	Trần Hải	Hà	26-08-85		500		
14	.00254	Vũ Thị Hằng	Hà	06-03-85	Nữ	500		
15	.00255	Bùi Hữu	Hải	22-06-90		500		
16	.00256	Chu Tuấn	Hải	21-06-87		500		
17	.00257	Cù Hồng	Hải	21-07-93		500		
18	.00258	Dương Thanh	Hải	21-06-86		500		
19	.00259	Đỗ Thị Hồng	Hải	22-06-80	Nữ	500		
20	.00260	Đỗ Mạnh	Hải	13-07-84		500		
21	.00261	Đỗ Xuân	Hải	17-07-78		500		
22	.00262	Đường Quang	Hải	28-08-87		500		
23	.00263	Hoàng	Hải	11-12-85		500		
24	.00264	Nguyễn Minh	Hải	09-05-87		500		
25	.00265	Nguyễn Thanh	Hải	13-03-92		500		
26	.00266	Nguyễn Hoàng	Hải	18-10-93		500		
27	.00267	Nguyễn Trác	Hải	19-08-90		500		
28	.00268	Nguyễn Minh	Hải	23-04-83		500		
29	.00269	Nguyễn Nam	Hải	26-03-93		500		
30	.00270	Phạm Hoàng	Hải	04-04-87		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00271	Trần Duy	Hải	21-09-91		500		
2	.00272	Bùi Thị	Hạnh	12-12-90	Nữ	500		
3	.00273	Đoàn Thị Hồng	Hạnh	30-01-81	Nữ	500		
4	.00274	Khà Hồng	Hạnh	25-10-87	Nữ	500		
5	.00275	Lê Thị Hồng	Hạnh	04-11-78	Nữ	500		
6	.00276	Lê Thị	Hạnh	05-12-82	Nữ	500		
7	.00277	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	12-05-89	Nữ	500		
8	.00278	Nguyễn Thị	Hạnh	10-02-86	Nữ	500		
9	.00279	Nguyễn Ngọc	Hạnh	14-02-92	Nữ	500		
10	.00280	Lê Văn	Hậu	10-02-86		500		
11	.00281	Bùi Thị	Hằng	18-05-90	Nữ	500		
12	.00282	Đào Thu	Hằng	02-11-90	Nữ	500		
13	.00283	Lê Thị Thanh	Hằng	01-02-92	Nữ	500		
14	.00284	Lê Thị Thanh	Hằng	04-04-83	Nữ	500		
15	.00285	Lê Thị Thúy	Hằng	10-11-80	Nữ	500		
16	.00286	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18-05-93	Nữ	500		
17	.00287	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	25-08-80	Nữ	500		
18	.00288	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13-05-85	Nữ	500		
19	.00289	Nguyễn Minh	Hằng	07-02-93	Nữ	500		
20	.00290	Vũ Thúy	Hằng	05-10-89	Nữ	500		
21	.00291	Bùi Xuân	Hiếu	27-04-81		500		
22	.00292	Hà Văn	Hiếu	28-04-90		500		
23	.00293	Hoàng Mạnh	Hiếu	30-07-87		500		
24	.00294	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	15-04-92	Nữ	500		
25	.00295	Nguyễn Vũ Duy	Hiếu	22-04-93		500		
26	.00296	Phạm Trọng	Hiếu	29-09-92		500		
27	.00297	Đào Đức	Hiệp	27-03-89		500		
28	.00298	Lê Hoàng	Hiệp	15-11-93		500		
29	.00299	Nguyễn Hoàng	Hiệp	09-02-88		500		
30	.00300	Phạm Hoàng	Hiệp	30-12-93		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00301	Tạ Văn	Hiệp	11-06-86		500		
2	.00302	Trần Ngọc	Hiệp	22-08-76		500		
3	.00303	Đỗ Thị Thu	Hiền	06-04-85	Nữ	500		
4	.00304	Mai Văn	Hiền	16-10-84		500		
5	.00305	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	01-12-91	Nữ	500		
6	.00306	Nguyễn Thị	Hiền	02-11-91	Nữ	500		
7	.00307	Nguyễn Thu	Hiền	16-09-63	Nữ	500		
8	.00308	Nguyễn Thị	Hiền	30-04-85	Nữ	500		
9	.00309	Nguyễn Thu	Hiền	31-08-90	Nữ	500		
10	.00310	Phạm Thị Minh	Hiền	13-12-91	Nữ	500		
11	.00311	Trần Thị Minh	Hiền	20-01-87	Nữ	500		
12	.00312	Vũ Thu	Hiền	19-04-93	Nữ	500		
13	.00313	Vũ Thị	Hiền	24-10-91	Nữ	500		
14	.00314	Ngô Hồng	Hoa	04-11-89	Nữ	500		
15	.00315	Nguyễn Thị	Hoa	13-03-93	Nữ	500		
16	.00316	Nguyễn Thị	Hoa	25-11-89	Nữ	500		
17	.00317	Nguyễn Thị	Hoa	28-05-85	Nữ	500		
18	.00318	Trần Thị	Hoa	03-09-92	Nữ	500		
19	.00319	Trần Thanh	Hoa	03-12-85	Nữ	500		
20	.00320	Đặng Thị	Hoài	14-10-90	Nữ	500		
21	.00321	Lê Thị	Hoài	06-05-93	Nữ	500		
22	.00322	Nguyễn Thị	Hoài	11-10-93	Nữ	500		
23	.00323	Trần Thu	Hoài	19-01-92	Nữ	500		
24	.00324	Đặng Trần	Hoàn	08-03-91		500		
25	.00325	Đỗ Văn	Hoàn	10-05-81		500		
26	.00326	Đình Huy	Hoàng	25-12-93		500		
27	.00327	Ngô Đức	Hoàng	16-05-81		500		
28	.00328	Nguyễn Minh	Hoàng	20-03-88		500		
29	.00329	Phạm Văn	Hoàng	27-01-85		500		
30	.00330	Trần Huy	Hoàng	19-09-82		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00331	Trương Đức	Hoàng	18-08-91		500		
2	.00332	Võ Thiết	Hoàng	20-12-86		500		
3	.00333	Vũ	Hoàng	02-11-91		500		
4	.00334	Lê	Hoàn	15-05-90		500		
5	.00335	Phan Bá	Hoạt	09-01-90		500		
6	.00336	Bùi Quang	Hòa	06-05-93		500		
7	.00337	Đào Xuân	Hòa	24-04-85		500		
8	.00338	Lê Văn	Hòa	14-12-85		500		
9	.00339	Phạm Thanh	Hòa	03-04-89	Nữ	500		
10	.00340	Phạm Trường	Hòa	03-06-86		500		
11	.00341	Phạm Văn	Hòa	24-07-86		500		
12	.00342	Phùng Quang	Hòa	03-10-80		500		
13	.00343	Tạ Thị	Hòa	12-07-93	Nữ	500		
14	.00344	Trần Thị Mai	Hòa	13-12-82	Nữ	500		
15	.00345	Nguyễn Quang	Học	04-04-90		500		
16	.00346	Phạm Văn	Hồi	25-01-82		500		
17	.00347	Ngô Thị	Hồng	07-05-81	Nữ	500		
18	.00348	Nguyễn Thị Bích	Hồng	01-01-84	Nữ	500		
19	.00349	Nguyễn Văn	Hồng	10-05-93	Nữ	500		
20	.00350	Nguyễn Thị	Hồng	25-08-91	Nữ	500		
21	.00351	Nguyễn Công	Hồ	10-06-80		500		
22	.00352	Vũ Văn	Hồng	28-12-84		500		
23	.00353	Nguyễn Công	Huân	06-11-89		500		
24	.00354	Vũ Đình	Huấn	03-07-78		500		
25	.00355	Hoàng Thị Minh	Huê	01-04-87	Nữ	500		
26	.00356	Nguyễn Thị	Huê	17-08-85	Nữ	500		
27	.00357	Nguyễn Thu	Huế	22-08-89	Nữ	500		
28	.00358	Nguyễn Minh	Huệ	08-03-92	Nữ	500		
29	.00359	Nguyễn Thị	Huệ	24-08-89	Nữ	500		
30	.00360	Nguyễn Thị	Huệ	27-09-93	Nữ	500		

Tổng số 30 thí sinhSố thí sinh chính thức dự thi:Số bài thi:Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00361	Chu Quang	Huy	14-07-83		500		
2	.00362	Đỗ Văn	Huy	16-04-87		500		
3	.00363	Lê Thị Kim	Huyền	12-07-90	Nữ	500		
4	.00364	Nguyễn Như	Huyền	29-07-73		500		
5	.00365	Lê Quốc	Huy	08-05-90		500		
6	.00366	Lê	Huy	28-09-91		500		
7	.00367	Lữ Trọng	Huy	25-10-77		500		
8	.00368	Nguyễn Xuân	Huy	- -		500		
9	.00369	Nguyễn Đắc	Huy	08-12-93		500		
10	.00370	Nguyễn Quang	Huy	30-10-93		500		
11	.00371	Đặng Thu	Huyền	20-10-89	Nữ	500		
12	.00372	Kiều Thu	Huyền	29-06-93	Nữ	500		
13	.00373	Lê Thị Ngọc	Huyền	21-11-91	Nữ	500		
14	.00374	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01-11-80	Nữ	500		
15	.00375	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	21-04-85	Nữ	500		
16	.00376	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28-12-89	Nữ	500		
17	.00377	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	09-01-79	Nữ	500		
18	.00378	Nguyễn Thị	Huyền	02-04-85	Nữ	500		
19	.00379	Nguyễn Thị	Huyền	23-11-92	Nữ	500		
20	.00380	Nguyễn Thị	Huyền	29-09-88	Nữ	500		
21	.00381	Phan Thanh	Huyền	31-07-90	Nữ	500		
22	.00382	Phạm Thị Minh	Huyền	28-04-85	Nữ	500		
23	.00383	Phạm Thị Thu	Huyền	08-06-90	Nữ	500		
24	.00384	Trịnh Thị Thanh	Huyền	10-08-90	Nữ	500		
25	.00385	Trần Xuân	Huy	19-11-87		500		
26	.00386	Vũ Xuân	Huy	14-11-90		500		
27	.00387	Bùi Như	Huỳnh	20-03-89		500		
28	.00388	Hoàng Mạnh	Hùng	19-06-91		500		
29	.00390	Nguyễn Bá	Hùng	17-02-87		500		
30	.00392	Nguyễn Văn	Hùng	28-07-87		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00389	Nguyễn Công	Hùng	08-10-78		500		
2	.00391	Nguyễn Văn	Hùng	22-04-90		500		
3	.00393	Phạm Mạnh	Hùng	27-07-88		500		
4	.00394	Trần Mạnh	Hùng	17-12-90		500		
5	.00395	Trương Văn	Hùng	15-05-91		500		
6	.00396	Đặng Tuấn	Hùng	07-07-89		500		
7	.00397	Hà Minh	Hùng	29-10-85		500		
8	.00398	Hoàng Tiến	Hùng	30-09-90		500		
9	.00399	Lại Quốc	Hùng	03-03-87		500		
10	.00400	Lê Việt	Hùng	20-01-84		500		
11	.00401	Nguyễn Duy	Hùng	08-01-93		500		
12	.00402	Nguyễn Trung	Hùng	09-04-86		500		
13	.00403	Nguyễn Quang	Hùng	11-05-94		500		
14	.00404	Nguyễn Việt	Hùng	17-05-93		500		
15	.00405	Nguyễn Kiều	Hùng	20-01-79		500		
16	.00406	Phạm Văn	Hùng	17-08-86		500		
17	.00407	Bùi Thị Thanh	Hương	25-06-89	Nữ	500		
18	.00408	Dương Thị Thu	Hương	14-10-86	Nữ	500		
19	.00409	Đinh Thu	Hương	05-06-79	Nữ	500		
20	.00410	Hà Thu	Hương	05-11-84	Nữ	500		
21	.00411	Lê Thị Thanh	Hương	23-09-87	Nữ	500		
22	.00412	Mai Thu	Hương	20-04-90	Nữ	500		
23	.00413	Ngô Thị Thu	Hương	09-04-92	Nữ	500		
24	.00414	Nguyễn Thị Thu	Hương	17-01-82	Nữ	500		
25	.00415	Nguyễn Thị Thu	Hương	25-03-88	Nữ	500		
26	.00416	Nguyễn Thị	Hương	15-05-82	Nữ	500		
27	.00417	Nguyễn Mai	Hương	30-08-91	Nữ	500		
28	.00418	Nguyễn Thu	Hương	30-10-91	Nữ	500		
29	.00419	Phạm Thị	Hương	02-09-85		500		
30	.00420	Phạm Thu	Hương	19-06-88	Nữ	500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00421	Phùng Thị Thu	Hương	29-09-91	Nữ	500		
2	.00422	Trịnh Thị	Hương	26-03-92	Nữ	500		
3	.00423	Bùi Mạnh	Hương	24-09-88		500		
4	.00424	Hồ Thị	Hương	06-12-89	Nữ	500		
5	.00425	Nguyễn Thị	Hương	04-04-91	Nữ	500		
6	.00426	Nguyễn Thị	Hương	26-03-94	Nữ	500		
7	.00427	Nguyễn Thị	Hương	20-07-84	Nữ	500		
8	.00428	Lê Văn	Hương	08-03-85		500		
9	.00429	Hoàng Văn	Hữu	06-05-90		500		
10	.00430	Ngô Quốc	Khang	05-06-80		500		
11	.00431	Trần Huy	Khang	12-10-90		500		
12	.00432	Phùng Thế	Kha	23-01-86		500		
13	.00433	Nguyễn Văn	Khánh	02-09-88	Nữ	500		
14	.00434	Phùng Đức	Khánh	29-08-93		500		
15	.00435	Trần Việt	Khánh	12-10-90		500		
16	.00436	Nguyễn Nam	Khoa	12-03-91		500		
17	.00437	Nguyễn Đăng	Khoa	21-11-91		500		
18	.00438	Trần Đình	Khu	16-05-86		500		
19	.00439	Nguyễn Việt	Khuông	25-11-89		500		
20	.00440	Nguyễn Sỹ	Kiên	02-10-92		500		
21	.00441	Cần Huy	Kiên	20-11-89		500		
22	.00442	Đặng Đức	Kiên	16-03-74		500		
23	.00443	Đinh Văn	Kiên	02-12-79		500		
24	.00444	Lê Đức	Kiên	28-06-79		500		
25	.00445	Nguyễn Văn	Kiên	12-01-85		500		
26	.00446	Nguyễn Trần	Kiên	17-02-88		500		
27	.00447	Nguyễn Trung	Kiên	26-05-85		500		
28	.00448	Nguyễn Trung	Kiên	29-03-91		500		
29	.00449	Tạ Đăng	Kiên	15-03-86		500		
30	.00450	Trần Trung	Kiên	15-05-84		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00451	Trần Xuân	Kiều	21-10-89		500		
2	.00452	Phạm Thị Quỳnh	Lai	04-12-92	Nữ	500		
3	.00453	Lê Thị Hải	Lam	14-08-84		500		
4	.00454	Chu Thị Tuyết	Lan	05-12-75	Nữ	500		
5	.00455	Nguyễn Hương	Lan	11-08-92	Nữ	500		
6	.00456	Nguyễn Phương	Lan	14-09-91	Nữ	500		
7	.00457	Phạm Hoàng	Lan	09-10-93	Nữ	500		
8	.00458	Bạch Tùng	Lâm	25-08-90		500		
9	.00459	Nguyễn Mai	Lâm	02-11-89		500		
10	.00460	Nguyễn Xuân	Lập	08-03-89		500		
11	.00461	Kiều Văn	Lệ	21-08-77		500		
12	.00462	Đinh Thị	Liên	17-03-91	Nữ	500		
13	.00463	Đỗ Thị Tố	Liên	01-07-92	Nữ	500		
14	.00464	Tạ Phương	Liên	28-08-92	Nữ	500		
15	.00465	Đoàn Tố	Linh	02-09-90	Nữ	500		
16	.00466	Đỗ Đăng	Linh	10-06-90		500		
17	.00467	Hoàng Thị	Linh	14-12-93	Nữ	500		
18	.00468	Lê Hồng	Linh	20-04-92	Nữ	500		
19	.00469	Lê Hà	Linh	26-08-91	Nữ	500		
20	.00470	Lưu Thùy	Linh	21-11-84	Nữ	500		
21	.00471	Mai Thị Hồng	Linh	29-12-93	Nữ	500		
22	.00472	Ngô Thị Diệu	Linh	10-06-92	Nữ	500		
23	.00473	Ngô Diệu	Linh	23-11-85	Nữ	500		
24	.00474	Nguyễn Thị Khánh	Linh	16-10-89	Nữ	500		
25	.00475	Nguyễn Thị Hải	Linh	15-08-85	Nữ	500		
26	.00476	Nguyễn Nhật	Linh	16-09-86		500		
27	.00477	Nguyễn Thị	Linh	17-12-86	Nữ	500		
28	.00478	Nguyễn Mỹ	Linh	21-12-93	Nữ	500		
29	.00479	Phạm Thị Khánh	Linh	13-10-93	Nữ	500		
30	.00480	Quách Thị Diệu	Linh	07-11-93	Nữ	500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00481	Tăng Tuấn	Linh	29-06-88		500		
2	.00482	Trần Khánh	Linh	05-06-93	Nữ	500		
3	.00483	Trần Duy	Linh	15-08-84		500		
4	.00484	Trần Vương	Linh	22-09-85	Nữ	500		
5	.00485	Trần Hồng	Linh	26-04-89		500		
6	.00486	Trần Mỹ	Linh	30-12-93	Nữ	500		
7	.00487	Trịnh Thảo	Linh	08-11-93	Nữ	500		
8	.00488	Trịnh Tuấn	Linh	15-11-91		500		
9	.00489	Vũ Thị Hoài	Linh	08-07-91	Nữ	500		
10	.00490	Vũ Thùy	Linh	03-10-91	Nữ	500		
11	.00491	Vương Ngọc	Linh	18-02-89	Nữ	500		
12	.00492	Lê Thị Hồng	Loan	20-08-89	Nữ	500		
13	.00493	Nguyễn Thị Mai	Loan	13-11-86	Nữ	500		
14	.00494	Trịnh Thị	Loan	19-07-90	Nữ	500		
15	.00495	Đoàn Cửu	Long	04-12-93		500		
16	.00496	Đỗ Thành	Long	15-11-88		500		
17	.00497	Hoàng Phi	Long	12-09-89		500		
18	.00498	Khuất Lê	Long	26-01-89		500		
19	.00499	Nguyễn Đặng Vũ	Long	29-01-76		500		
20	.00500	Nguyễn Văn	Long	06-10-86		500		
21	.00501	Nguyễn Thế	Long	12-03-85		500		
22	.00502	Phạm Tường	Long	13-09-90		500		
23	.00503	Phạm Tâm	Long	20-04-92		500		
24	.00504	Phạm Hải	Long	25-06-88		500		
25	.00505	Quách Thành	Long	17-05-92		500		
26	.00506	Thạch Đăng	Long	23-11-82		500		
27	.00507	Tô Bảo	Long	05-12-93		500		
28	.00508	Triệu Hải	Long	07-03-88		500		
29	.00509	Trương Nam	Long	27-10-89		500		
30	.00510	Đàm Quang	Lộc	03-10-87		500		

Tổng số30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00511	Nguyễn Đức	Lộc	27-04-92		500		
2	.00512	Tô Văn	Lộc	08-07-87		500		
3	.00513	Trần Xuân	Lộc	12-11-82		500		
4	.00514	Bùi Quang	Lợi	29-03-85		500		
5	.00515	Nguyễn Thị	Lợi	21-06-93	Nữ	500		
6	.00516	Nguyễn Văn	Luân	14-03-89		500		
7	.00517	Nguyễn Tiến	Luật	29-06-81		500		
8	.00518	Lý Văn	Luyến	06-04-89		500		
9	.00519	Nguyễn Thị	Luyến	11-08-93	Nữ	500		
10	.00520	Nguyễn Ngọc	Luyện	30-06-93		500		
11	.00521	Mai Thị Huyền	Lương	16-06-92	Nữ	500		
12	.00522	Ngô Quang	Lương	28-03-87		500		
13	.00523	Phạm Thị Hiền	Lương	11-10-90	Nữ	500		
14	.00524	Hoàng Thị Hà	Ly	25-01-92	Nữ	500		
15	.00525	Nguyễn Thị Hoa	Ly	20-01-87	Nữ	500		
16	.00526	Đỗ Phương	Mai	17-03-93	Nữ	500		
17	.00527	Hoàng Thj	Mai	24-03-90	Nữ	500		
18	.00528	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	09-02-85	Nữ	500		
19	.00529	Phan Vũ Tuyết	Mai	07-06-88	Nữ	500		
20	.00530	Vũ Thị	Mai	02-02-89	Nữ	500		
21	.00531	Phùng Bá	Mậu	05-12-88		500		
22	.00532	Bùi Đình	Minh	08-08-85		500		
23	.00533	Bùi Xuân	Minh	29-03-87		500		
24	.00534	Đào Duy	Minh	25-08-87		500		
25	.00535	Đặng Nhật	Minh	14-02-85		500		
26	.00537	Nguyễn Quang	Minh	04-03-80		500		
27	.00538	Nguyễn Nhật	Minh	07-02-92		500		
28	.00539	Nguyễn Xuân	Minh	10-11-91		500		
29	.00540	Nguyễn Đức	Minh	18-07-91		500		
30	.00541	Nguyễn Quang	Minh	24-12-93		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00536	Nguyễn Thị Anh	Minh	22-11-92	Nữ	500		
2	.00542	Phan Tuấn	Minh	16-05-86		500		
3	.00543	Phạm Lê	Minh	16-12-74	Nữ	500		
4	.00544	Phạm Văn	Minh	30-07-85		500		
5	.00545	Trần Công Anh	Minh	01-07-92		500		
6	.00546	Vũ Trà	My	23-05-91	Nữ	500		
7	.00547	Trương Diệu	Mỹ	13-05-91	Nữ	500		
8	.00548	Bùi Văn	Nam	04-04-89		500		
9	.00549	Cam Văn Tiến	Nam	17-10-89		500		
10	.00550	Đào Ngọc	Nam	02-12-92		500		
11	.00551	Nguyễn Việt	Nam	16-09-86		500		
12	.00552	Nguyễn Bá	Nam	22-05-91		500		
13	.00553	Nguyễn Hào	Nam	25-10-92		500		
14	.00554	Nguyễn Đông	Nam	26-03-85		500		
15	.00555	Phan Hoài	Nam	03-07-91		500		
16	.00556	Phùng Đắc Thịnh	Nam	04-08-92		500		
17	.00557	Trần Thị	Nết	22-03-92	Nữ	500		
18	.00558	Bùi Thị Phương	Nga	04-12-92	Nữ	500		
19	.00559	Đặng Thanh	Nga	07-10-88	Nữ	500		
20	.00560	Lê Thị Thanh	Nga	25-09-80	Nữ	500		
21	.00561	Lê Thị	Nga	02-05-88	Nữ	500		
22	.00562	Nguyễn Thị Thanh	Nga	04-08-89	Nữ	500		
23	.00563	Trần Thanh	Nga	22-01-90	Nữ	500		
24	.00564	Vũ Thúy	Nga	17-06-90	Nữ	500		
25	.00565	Nguyễn Khánh	Ngân	06-05-91	Nữ	500		
26	.00566	Trương Thị	Ngân	26-06-93	Nữ	500		
27	.00567	Trần Đại	Nghĩa	02-10-81		500		
28	.00568	Trần Minh	Nghĩa	05-06-93		500		
29	.00569	Vũ Văn	Nghĩa	06-12-79		500		
30	.00570	Lê Thị	Ngoan	21-12-83	Nữ	500		

Tổng số 30 thí sinhSố thí sinh chính thức dự thi:Số bài thi:Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00571	Đinh Thị Bích	Ngọc	04-08-89	Nữ	500		
2	.00572	Đinh Thị Bích	Ngọc	22-03-86	Nữ	500		
3	.00573	Hứa Hồng	Ngọc	06-08-93		500		
4	.00574	Lê Thị	Ngọc	07-05-90	Nữ	500		
5	.00575	Lê Hoàng	Ngọc	17-11-89		500		
6	.00576	Lê Thị	Ngọc	30-11-90	Nữ	500		
7	.00577	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	02-09-91	Nữ	500		
8	.00578	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	13-01-85	Nữ	500		
9	.00579	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30-11-79	Nữ	500		
10	.00580	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	20-04-92	Nữ	500		
11	.00581	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	13-05-81	Nữ	500		
12	.00582	Nguyễn Thị	Ngọc	12-02-90	Nữ	500		
13	.00583	Nguyễn Thanh	Ngọc	13-07-92		500		
14	.00584	Nguyễn Kim	Ngọc	17-06-91	Nữ	500		
15	.00585	Nguyễn Thị	Ngọc	22-10-90	Nữ	500		
16	.00586	Nguyễn Hồ	Ngọc	26-07-91		500		
17	.00587	Nguyễn Thạch	Ngọc	30-08-86		500		
18	.00588	Phạm Anh	Ngọc	27-02-91		500		
19	.00589	Triệu Thị Mai	Ngọc	27-02-92	Nữ	500		
20	.00590	Vũ Bích	Ngọc	10-09-91	Nữ	500		
21	.00591	Vũ Bảo	Ngọc	28-08-91		500		
22	.00592	Lê Thị	Nguyệt	12-02-87	Nữ	500		
23	.00593	Lê Thị	Nguyệt	21-07-87	Nữ	500		
24	.00594	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	16-09-81	Nữ	500		
25	.00595	Nguyễn Thị	Nhàn	04-05-92	Nữ	500		
26	.00596	Nguyễn Thị	Nhàn	14-05-85	Nữ	500		
27	.00597	Phạm Thị Thanh	Nhàn	27-02-90	Nữ	500		
28	.00598	Phạm Thị	Nhâm	12-03-83	Nữ	500		
29	.00599	Nhâm Hạnh	Nhàn	10-07-91		500		
30	.00600	Nguyễn Thừa	Nhật	08-01-88		500		

Tổng số 30 thí sinhSố thí sinh chính thức dự thi:Số bài thi:Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00601	Lê Thị	Nhiên	09-07-87	Nữ	500		
2	.00602	Trần Hương	Nhị	29-06-86	Nữ	500		
3	.00603	Phạm Thành	Nhơn	18-10-89		500		
4	.00604	Bùi Thị Tuyết	Nhung	30-01-88	Nữ	500		
5	.00605	Đào Kim	Nhung	30-05-80	Nữ	500		
6	.00606	Lê Thị Tuyết	Nhung	06-08-83	Nữ	500		
7	.00607	Lê Thị Hồng	Nhung	11-07-89	Nữ	500		
8	.00608	Ngô Thị	Nhung	20-03-80	Nữ	500		
9	.00609	Nguyễn Thị Thanh	Nhung	22-02-78	Nữ	500		
10	.00610	Nguyễn Hồng	Nhung	27-10-87	Nữ	500		
11	.00611	Ngô Xuân	Ninh	08-07-88		500		
12	.00612	Nguyễn Thị	Ninh	19-05-92	Nữ	500		
13	.00613	Trần Thị My	Ni	28-03-87	Nữ	500		
14	.00614	Quản Thị	Nụ	02-07-89	Nữ	500		
15	.00615	Nguyễn Thị	Nương	06-08-84	Nữ	500		
16	.00616	Nguyễn Thị Tố	Nữ	09-09-88	Nữ	500		
17	.00617	Bùi Thị Kiều	Oanh	29-07-92	Nữ	500		
18	.00618	Lý Tố	Oanh	27-08-90	Nữ	500		
19	.00619	Nguyễn Thị	Oanh	01-01-87	Nữ	500		
20	.00620	Trần Thị Kiều	Oanh	03-08-92	Nữ	500		
21	.00621	Nguyễn Văn	Phan	16-01-88		500		
22	.00622	Đàm Như	Phong	27-08-87		500		
23	.00623	Đặng Tiến	Phong	24-01-81		500		
24	.00624	Nguyễn Văn	Phong	28-05-93		500		
25	.00625	Phạm Văn	Phong	19-12-89		500		
26	.00626	Lưu Tiến	Phòng	27-03-82		500		
27	.00627	Nguyễn Minh	Phúc	25-10-93		500		
28	.00628	Trần Hồng	Phúc	06-07-83		500		
29	.00629	Trịnh Hồng	Phúc	01-02-93		500		
30	.00630	Nguyễn Việt	Phú	19-10-83		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00631	Đàm Văn	Phương	05-07-91		500		
2	.00632	Đào Minh	Phương	01-10-92	Nữ	500		
3	.00633	Đoàn Việt	Phương	12-04-91	Nữ	500		
4	.00634	Đỗ Thị	Phương	04-12-90	Nữ	500		
5	.00635	Hoàng Thị	Phương	03-09-92	Nữ	500		
6	.00636	Hoàng Minh	Phương	27-10-84		500		
7	.00637	Lê Thị Minh	Phương	28-08-84	Nữ	500		
8	.00638	Lê Quỳnh	Phương	08-10-91	Nữ	500		
9	.00639	Lê Lệ	Phương	24-05-92	Nữ	500		
10	.00640	Nguyễn Thị Minh	Phương	30-12-74	Nữ	500		
11	.00641	Nguyễn Thị	Phương	11-04-88	Nữ	500		
12	.00642	Nguyễn Thu	Phương	20-10-87	Nữ	500		
13	.00643	Phan Thị	Phương	02-11-83	Nữ	500		
14	.00644	Phan Thu	Phương	04-03-93	Nữ	500		
15	.00645	Phạm Thị Lan	Phương	12-03-90	Nữ	500		
16	.00646	Phạm Trung	Phương	06-01-86		500		
17	.00647	Phạm Thị	Phương	26-04-86	Nữ	500		
18	.00648	Trần Thị Hà	Phương	11-10-86	Nữ	500		
19	.00649	Trần Thị Lan	Phương	02-08-87	Nữ	500		
20	.00650	Trần Anh	Phương	15-09-93		500		
21	.00651	Trần	Phương	15-09-74		500		
22	.00652	Vũ Thị Mai	Phương	12-09-84	Nữ	500		
23	.00653	Vũ Thị Hà	Phương	04-01-93	Nữ	500		
24	.00654	Bùi Thị	Phượng	16-05-91	Nữ	500		
25	.00655	Lê Thị Minh	Phượng	27-11-90	Nữ	500		
26	.00656	Bùi Phong	Quang	07-03-89		500		
27	.00657	Đặng Minh	Quang	02-09-90		500		
28	.00658	Hồ Xuân	Quang	29-11-93		500		
29	.00659	Lê Văn	Quang	04-02-83		500		
30	.00660	Lê Tuyền	Quang	30-04-86		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00661	Nguyễn Hải	Quang	04-07-89		500		
2	.00662	Nguyễn Duy	Quang	31-12-80		500		
3	.00663	Phạm Trần	Quang	04-07-89		500		
4	.00664	Tạ Duy	Quang	28-02-89		500		
5	.00665	Trần Nhật	Quang	27-12-87		500		
6	.00666	Vũ Hồng	Quang	05-03-82		500		
7	.00667	Vũ Xuân	Quang	16-11-90		500		
8	.00668	Vương Anh	Quang	18-07-78		500		
9	.00669	Nguyễn Văn	Quân	29-09-87		500		
10	.00670	Phạm Hồng	Quân	06-07-91		500		
11	.00671	Phạm Hồng	Quân	08-06-88		500		
12	.00672	Trần Long	Quân	05-12-90		500		
13	.00673	Nguyễn Thị	Quyên	06-11-87	Nữ	500		
14	.00674	Đặng Trần	Quyết	12-09-88		500		
15	.00675	Đỗ Văn	Quyết	17-08-89		500		
16	.00676	Kiều Chí	Quyết	06-10-88		500		
17	.00677	Nguyễn Mạnh	Quyết	23-04-91		500		
18	.00678	Phạm Văn	Quyết	01-05-84		500		
19	.00679	Phùng	Quyết	22-09-91		500		
20	.00680	Lò Văn	Quyên	26-12-92		500		
21	.00681	Nguyễn Xuân	Quyên	25-11-85		500		
22	.00682	Lâm Thanh	Quý	17-12-92		500		
23	.00683	Lê Minh	Quý	02-02-93		500		
24	.00684	Ngô Quang	Quý	10-12-93		500		
25	.00685	Nguyễn Xuân	Quý	02-10-92		500		
26	.00686	Nguyễn Đình	Quý	03-02-86		500		
27	.00687	Trần Trọng	Quý	10-10-83		500		
28	.00688	Đinh Thị	Quỳnh	05-02-91	Nữ	500		
29	.00689	Lê Ngọc	Quỳnh	16-07-81		500		
30	.00690	Nguyễn Quang	Quỳnh	04-08-83		500		

Tổng số 30 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00691	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	23-04-87		500		
2	.00692	Võ Tá	Quỳnh	28-10-92		500		
3	.00693	Vũ Ngọc	Rạng	08-01-91		500		
4	.00694	An Như	Sơn	09-12-82		500		
5	.00695	Lại Thanh	Sơn	22-01-86		500		
6	.00696	Lê Tùng	Sơn	19-08-90		500		
7	.00697	Nguyễn Thái	Sơn	07-10-79		500		
8	.00698	Nguyễn Trường	Sơn	12-10-89		500		
9	.00699	Nguyễn Huy	Sơn	24-09-83		500		
10	.00700	Nguyễn Thế	Sơn	28-06-83		500		
11	.00701	Phạm Trọng	Sơn	13-03-86		500		
12	.00702	Phạm Hồng	Sơn	25-08-91		500		
13	.00703	Phạm Thành	Sơn	31-07-89		500		
14	.00704	Trần Tuấn	Sơn	10-04-81		500		
15	.00705	Trần Hữu	Sử	30-04-75		500		
16	.00706	Phan Minh	Sự	01-04-71		500		
17	.00707	Bùi Tiến	Sỹ	20-07-67		500		
18	.00708	Trịnh Xuân	Tài	02-12-85		500		
19	.00709	Lê Quang	Tạo	11-05-86		500		
20	.00710	Trần Huy	Tạo	15-02-87		500		
21	.00711	Đào Thị	Tâm	16-06-88	Nữ	500		
22	.00712	Lê Thị	Tâm	21-09-90	Nữ	500		
23	.00713	Mạnh Xuân	Tâm	07-08-84		500		
24	.00714	Đoàn Trung	Tân	22-07-91		500		
25	.00715	Bùi Hồng	Thanh	30-10-84	Nữ	500		
26	.00716	Lê	Thanh	12-12-85		500		
27	.00717	Nguyễn Thị	Thanh	19-02-88	Nữ	500		
28	.00718	Phạm Thị Minh	Thanh	20-09-93	Nữ	500		
29	.00719	Tạ Phương	Thanh	25-08-83	Nữ	500		
30	.00720	Trần Ngọc	Thanh	24-08-90		500		
31	.00721	Hoàng Nguyễn	Thái	14-10-85		500		

Tổng số 31 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00722	Lê Thị	Thái	14-03-86	Nữ	500		
2	.00723	Phạm Anh	Thái	14-05-92		500		
3	.00724	Vũ Ngọc	Thái	02-08-93		500		
4	.00725	Hà Minh	Thành	16-05-90		500		
5	.00726	Hoàng Trọng	Thành	15-05-90		500		
6	.00727	Lê Tiến	Thành	28-03-89		500		
7	.00728	Nghiêm Tiến	Thành	23-10-93		500		
8	.00729	Nguyễn Hữu	Thành	01-05-90		500		
9	.00730	Nguyễn Tiến	Thành	04-05-93		500		
10	.00731	Nguyễn Văn	Thành	10-08-81		500		
11	.00732	Nguyễn Xuân	Thành	20-01-88		500		
12	.00733	Phạm Anh	Thành	03-12-92		500		
13	.00734	Thân Đức	Thành	12-06-88		500		
14	.00735	Trần Văn	Thành	27-07-86		500		
15	.00736	Nhữ Văn	Thảo	01-08-83		500		
16	.00737	Bùi Thị	Thảo	15-01-88	Nữ	500		
17	.00738	Đoàn Minh	Thảo	18-08-91		500		
18	.00739	Đỗ Thị Hương	Thảo	23-09-90	Nữ	500		
19	.00740	Hà Thị Phương	Thảo	07-08-91	Nữ	500		
20	.00741	Ngô Thị	Thảo	21-07-92	Nữ	500		
21	.00742	Nguyễn Thị Phương	Thảo	31-05-89	Nữ	500		
22	.00743	Nguyễn Thị Thu	Thảo	17-01-88	Nữ	500		
23	.00744	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02-09-92	Nữ	500		
24	.00745	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02-10-90	Nữ	500		
25	.00746	Nguyễn Xuân	Thảo	17-10-84		500		
26	.00747	Phạm Thị Thu	Thảo	01-10-93	Nữ	500		
27	.00748	Phạm Thị Ngọc	Thảo	28-08-91	Nữ	500		
28	.00749	Cao Xuân	Thạch	20-01-85		500		
29	.00750	Dương Việt	Thắng	07-05-88		500		
30	.00752	Hoàng Vũ	Thắng	26-07-85		500		
31	.00753	Hoàng Quyết	Thắng	30-10-89		500		

Tổng số 31 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00751	Hoàng Tuấn	Thắng	02-08-89		500		
2	.00754	Lê Cao	Thắng	03-08-85		500		
3	.00755	Nguyễn Sỹ	Thắng	06-09-79		500		
4	.00756	Nguyễn Đình	Thắng	10-08-58		500		
5	.00757	Nguyễn Văn	Thắng	18-08-86		500		
6	.00758	Nguyễn Bá	Thắng	22-06-93		500		
7	.00759	Nguyễn Văn	Thắng	28-10-85		500		
8	.00760	Phạm Vũ Chí	Thắng	21-08-90		500		
9	.00761	Trần Văn	Thắng	02-10-80		500		
10	.00762	Vũ Đức	Thắng	01-10-86		500		
11	.00763	Vũ	Thắng	09-07-78		500		
12	.00764	Vũ Đức	Thắng	14-01-85		500		
13	.00765	Nguyễn Văn	Thiệt	22-06-77		500		
14	.00766	Nguyễn Khắc	Thiệu	07-09-91		500		
15	.00767	Dương Hưng	Thịnh	13-09-86		500		
16	.00768	Nguyễn Quốc	Thịnh	10-08-76		500		
17	.00769	Nguyễn Tiến	Thịnh	28-11-83		500		
18	.00770	Vũ Xuân	Thịnh	22-01-91		500		
19	.00771	Lương Thị	Thoa	12-04-91	Nữ	500		
20	.00772	Vũ Đình	Thuân	11-04-77		500		
21	.00773	Bùi Trọng	Thuân	28-03-84		500		
22	.00774	Hoàng Đức	Thuận	10-12-86		500		
23	.00775	Lê Đình	Thuận	18-10-89		500		
24	.00776	Lê Thị	Thu	09-09-85	Nữ	500		
25	.00777	Nguyễn Thị Thanh	Thu	22-12-82	Nữ	500		
26	.00778	Nguyễn Hà	Thu	06-10-91	Nữ	500		
27	.00779	Nguyễn Thị	Thu	18-09-90	Nữ	500		
28	.00780	Nguyễn Thị	Thu	19-08-89	Nữ	500		
29	.00781	Nguyễn Hoài	Thu	19-08-90	Nữ	500		
30	.00782	Nguyễn Minh	Thu	25-05-88	Nữ	500		
31	.00783	Trần Thị	Thu	02-06-86	Nữ	500		

Tổng số 31 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00784	Vũ Minh	Thu	30-10-91	Nữ	500		
2	.00785	Dương Văn	Thuyết	20-04-85		500		
3	.00786	Hoàng Minh	Thúy	05-04-87	Nữ	500		
4	.00787	Phan Xuân	Thúy	23-11-79		500		
5	.00788	Trần Thị	Thùy	20-02-92	Nữ	500		
6	.00789	Bùi Thị Thu	Thủy	15-12-89	Nữ	500		
7	.00790	Bùi Trung	Thủy	14-10-80		500		
8	.00791	Bùi Đình	Thủy	26-03-80		500		
9	.00792	Đỗ Thanh	Thủy	27-04-93	Nữ	500		
10	.00793	Hoàng Thị Thanh	Thủy	17-11-86	Nữ	500		
11	.00794	Hoàng Văn	Thủy	01-03-83		500		
12	.00795	Lê Thị	Thủy	19-09-79	Nữ	500		
13	.00796	Nguyễn Thị Thu	Thủy	29-12-90	Nữ	500		
14	.00797	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	22-06-91	Nữ	500		
15	.00798	Nguyễn Thị	Thủy	03-06-93	Nữ	500		
16	.00799	Nguyễn Lê	Thủy	22-10-85	Nữ	500		
17	.00800	Phan Thị Lệ	Thủy	14-06-84	Nữ	500		
18	.00801	Phạm Bích	Thủy	09-12-89	Nữ	500		
19	.00802	Trịnh Thị Thu	Thủy	14-10-92	Nữ	500		
20	.00803	Vũ Thị	Thủy	26-12-85	Nữ	500		
21	.00804	Nguyễn Thị	Thư	24-10-93	Nữ	500		
22	.00805	Chu Thị	Thương	10-10-92	Nữ	500		
23	.00806	Nguyễn Hồng Béc	Thương	03-12-82	Nữ	500		
24	.00807	Nguyễn Thị Anh	Thương	26-05-90	Nữ	500		
25	.00808	Bùi Xuân	Tiến	21-06-87		500		
26	.00809	Bùi Xuân	Tiến	26-07-80		500		
27	.00810	Lê Hữu	Tiến	02-07-89		500		
28	.00811	Nguyễn Công	Tiến	03-04-89		500		
29	.00812	Phạm Quang	Tiến	29-07-93		500		
30	.00813	Trần Mạnh	Tiến	23-07-84		500		
31	.00814	Vũ Dương	Tiến	26-03-92		500		

Tổng số 31 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00815	Lê Đức	Tiếp	10-02-92		500		
2	.00816	Nguyễn Đức	Tính	28-08-82		500		
3	.00817	Vũ Lâm	Tín	05-04-90		500		
4	.00818	Hoàng Thị	Tinh	08-02-89	Nữ	500		
5	.00819	Nguyễn Thanh	Tinh	08-05-92		500		
6	.00820	Đặng Văn	Toàn	16-03-81		500		
7	.00821	Hoàng Văn	Toàn	01-02-85		500		
8	.00822	Nguyễn Thanh	Tòng	01-07-93		500		
9	.00823	Dương Thu	Trang	22-04-91	Nữ	500		
10	.00824	Đoàn Quỳnh	Trang	26-08-92	Nữ	500		
11	.00825	Đỗ Thu	Trang	03-03-90	Nữ	500		
12	.00826	Đỗ Thu	Trang	08-09-89	Nữ	500		
13	.00827	Hà Thị Vân	Trang	12-10-92	Nữ	500		
14	.00828	Hà Thu	Trang	02-10-90	Nữ	500		
15	.00829	Lê Thị	Trang	05-09-91	Nữ	500		
16	.00830	Lê Quỳnh	Trang	13-08-91	Nữ	500		
17	.00831	Lê Thị	Trang	16-05-92	Nữ	500		
18	.00832	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17-02-88	Nữ	500		
19	.00833	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27-04-90	Nữ	500		
20	.00834	Nguyễn Hồng Thu	Trang	29-08-91	Nữ	500		
21	.00835	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26-10-92	Nữ	500		
22	.00836	Nguyễn Thị Thu	Trang	24-12-92	Nữ	500		
23	.00837	Nguyễn Huyền	Trang	17-06-93	Nữ	500		
24	.00838	Nguyễn Thùy	Trang	25-09-91	Nữ	500		
25	.00839	Nông Thu	Trang	22-02-89	Nữ	500		
26	.00840	Phan Thu	Trang	26-05-85	Nữ	500		
27	.00841	Phạm Thùy	Trang	05-09-92	Nữ	500		
28	.00842	Phạm Minh	Trang	08-06-90	Nữ	500		
29	.00843	Phạm Thanh	Trang	10-11-81		500		
30	.00844	Trần Thùy	Trang	14-09-92	Nữ	500		
31	.00845	Trần Huyền	Trang	21-04-90	Nữ	500		

Tổng số 31 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00846	Phùng Thị Thanh	Trà	10-11-90	Nữ	500		
2	.00847	Phan Thị	Trâm	08-03-91	Nữ	500		
3	.00848	Nguyễn Tuyết	Trình	21-04-93	Nữ	500		
4	.00849	Nguyễn Ngọc	Trìu	20-11-88		500		
5	.00850	Lại Duy	Trọng	10-10-86		500		
6	.00851	Hoàng Thành	Trung	27-12-89		500		
7	.00852	Lương Thành	Trung	17-11-88		500		
8	.00853	Nguyễn Đình	Trung	10-07-77		500		
9	.00854	Nguyễn Thành	Trung	10-05-84		500		
10	.00855	Nguyễn Thành	Trung	26-10-81		500		
11	.00856	Phạm Thành	Trung	29-03-71		500		
12	.00857	Trần Lê	Trung	20-07-88		500		
13	.00858	Trần Đức	Trung	27-10-86		500		
14	.00859	Nguyễn Thọ	Trường	06-04-79		500		
15	.00860	Nguyễn Đình	Trường	16-10-90		500		
16	.00861	Phạm Văn	Trường	04-06-87		500		
17	.00862	Nguyễn Tố	Tuân	14-08-89		500		
18	.00863	Đàm Quốc	Tuấn	04-10-74		500		
19	.00864	Đình Ngọc	Tuấn	12-12-89		500		
20	.00865	Đỗ Văn	Tuấn	29-04-86		500		
21	.00866	Hoàng Thanh	Tuấn	01-11-89		500		
22	.00867	Lê Viết Anh	Tuấn	14-11-90		500		
23	.00868	Lê Văn	Tuấn	04-06-90		500		
24	.00869	Lê Minh	Tuấn	19-01-91		500		
25	.00870	Lương Văn	Tuấn	16-04-90		500		
26	.00871	Ngô Anh	Tuấn	18-10-91		500		
27	.00872	Nguyễn Anh	Tuấn	02-08-82		500		
28	.00873	Nguyễn Hà	Tuấn	07-11-89		500		
29	.00874	Nguyễn Thanh	Tuấn	10-03-78		500		
30	.00876	Nguyễn Anh	Tuấn	16-04-93		500		
31	.00878	Nguyễn Văn	Tuấn	29-07-92		500		

Tổng số 31 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00875	Nguyễn Duy	Tuấn	13-09-85		500		
2	.00877	Nguyễn Anh	Tuấn	20-10-93		500		
3	.00879	Nhâm Đức	Tuấn	23-05-90		500		
4	.00880	Nhữ Anh	Tuấn	14-09-89		500		
5	.00881	Phạm Ngọc Anh	Tuấn	22-11-92		500		
6	.00882	Phạm Thế	Tuấn	24-07-86		500		
7	.00883	Phùng Gia	Tuấn	13-05-87		500		
8	.00884	Vũ Anh	Tuấn	13-09-89		500		
9	.00885	Nguyễn Nghĩa	Tuyên	14-08-86		500		
10	.00886	Nguyễn Viết	Tuyên	23-04-89		500		
11	.00887	Bùi Thị Cẩm	Tú	02-11-90	Nữ	500		
12	.00888	Đào Anh	Tú	27-12-80		500		
13	.00889	Đinh Cẩm	Tú	08-09-91	Nữ	500		
14	.00890	Đinh Trọng	Tú	20-01-91	Nữ	500		
15	.00891	Lương Thị Ngọc	Tú	18-05-87	Nữ	500		
16	.00892	Nghiêm Minh	Tú	08-02-93		500		
17	.00893	Nguyễn Vinh	Tú	04-08-85		500		
18	.00894	Nguyễn Minh	Tú	05-07-83		500		
19	.00895	Nguyễn Huy	Tú	05-08-92		500		
20	.00896	Nguyễn Thanh	Tú	15-06-91	Nữ	500		
21	.00897	Nguyễn Cẩm	Tú	21-08-86		500		
22	.00898	Phù Thanh	Tú	25-06-84		500		
23	.00899	Trần Mạnh	Tú	02-09-91		500		
24	.00900	Trần Mạnh	Tú	08-09-92		500		
25	.00901	Trịnh Ngọc	Tú	11-08-88	Nữ	500		
26	.00902	Vũ Ngọc	Tú	18-04-88		500		
27	.00903	Bùi Thanh	Tùng	09-01-85		500		
28	.00904	Đàm Khắc	Tùng	26-06-93		500		
29	.00905	Đỗ Đức	Tùng	06-02-82		500		
30	.00906	Hà	Tùng	30-10-81		500		
31	.00907	Hoàng Anh	Tùng	15-05-86		500		

Tổng số 31 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi:

Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00908	Lê Đức	Tùng	06-09-89		500		
2	.00909	Lê Thanh	Tùng	13-07-84		500		
3	.00910	Lê Thanh	Tùng	13-09-84		500		
4	.00911	Lê Thanh	Tùng	20-06-84		500		
5	.00912	Lê Thanh	Tùng	23-01-87		500		
6	.00913	Mai Sơn	Tùng	26-06-89		500		
7	.00914	Ngô Thanh	Tùng	10-12-91		500		
8	.00915	Nguyễn Gia	Tùng	06-06-93		500		
9	.00916	Nguyễn Thanh	Tùng	08-04-90		500		
10	.00917	Nguyễn Bá	Tùng	15-12-89		500		
11	.00918	Nguyễn Minh	Tùng	15-10-93		500		
12	.00919	Nguyễn Thanh	Tùng	26-10-91		500		
13	.00920	Nguyễn Văn	Tùng	27-03-90		500		
14	.00921	Nông Thanh	Tùng	18-10-91		500		
15	.00922	Phan Thanh	Tùng	19-09-89		500		
16	.00923	Phạm Thanh	Tùng	13-10-84		500		
17	.00924	Phùng Sơn	Tùng	10-07-91		500		
18	.00925	Trần Thanh	Tùng	14-02-92		500		
19	.00926	Nguyễn Mạnh	Tường	01-04-86		500		
20	.00927	Nguyễn Thị	Uyên	17-07-87	Nữ	500		
21	.00928	Dương Thị	Vân	06-08-87	Nữ	500		
22	.00929	Hoàng Thị	Vân	21-08-88	Nữ	500		
23	.00930	Mai Thị	Vân	23-03-83	Nữ	500		
24	.00931	Nguyễn Thị Thanh	Vân	23-05-91	Nữ	500		
25	.00932	Nguyễn Thu	Vân	10-11-89	Nữ	500		
26	.00933	Nguyễn Thị	Vân	15-05-88	Nữ	500		
27	.00934	Nguyễn Thị	Vân	18-04-93	Nữ	500		
28	.00935	Phạm Thị Hoàng	Vân	25-07-92	Nữ	500		
29	.00936	Phạm Thị	Vân	19-08-87	Nữ	500		
30	.00937	Trần Thị	Vân	08-12-83	Nữ	500		
31	.00938	Trần Thanh	Vân	28-04-79	Nữ	500		

Tổng số 31 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	GT	Ngành	Số tờ	Ký tên
1	C1.00939	Trần Hoài	Vân	30-08-90	Nữ	500		
2	.00940	Vũ Lê	Vân	18-05-89		500		
3	.00941	Hà Văn	Việt	04-03-92		500		
4	.00942	Nguyễn Quốc	Việt	23-07-77		500		
5	.00943	Nguyễn Đức	Việt	24-09-93		500		
6	.00944	Vũ Đức	Việt	19-11-93		500		
7	.00945	Đinh Thị Hồng	Vinh	23-08-88	Nữ	500		
8	.00946	Lê Thành	Vinh	23-09-82		500		
9	.00947	Ngô Doãn	Vinh	23-10-89		500		
10	.00948	Nguyễn Thị ánh	Vinh	20-09-90	Nữ	500		
11	.00949	Trần Thanh	Vinh	15-05-88		500		
12	.00950	Trần Quang	Vinh	23-08-86		500		
13	.00951	Phùng Đức	Vĩ	27-07-80		500		
14	.00952	Đoàn	Vũ	02-01-85		500		
15	.00953	Lê Huy	Vũ	09-01-83		500		
16	.00954	Lê Đình	Vũ	10-08-88		500		
17	.00955	Nguyễn Văn	Vũ	26-10-93		500		
18	.00956	Nguyễn Mạnh	Vũ	27-04-86		500		
19	.00957	Phạm Văn	Vũ	29-04-90		500		
20	.00958	Nguyễn Văn	Vượng	22-08-93		500		
21	.00959	Hoàng Hải	Xanh	22-11-78		500		
22	.00960	Đỗ Thị	Xuân	03-02-84	Nữ	500		
23	.00961	Lành Thị Thanh	Xuân	12-01-86	Nữ	500		
24	.00962	Trần Thanh	Xuân	12-03-92	Nữ	500		
25	.00963	Bùi Thu	Yến	27-12-91	Nữ	500		
26	.00964	Dương Thị Hải	Yến	27-04-95	Nữ	500		
27	.00965	Đàm Hải	Yến	12-11-93	Nữ	500		
28	.00966	Nguyễn Thị Bảo	Yến	14-11-89	Nữ	500		
29	.00967	Nguyễn Thị Hải	Yến	12-08-92	Nữ	500		
30	.00968	Nguyễn Thị Hải	Yến	03-01-87	Nữ	500		
31	.00969	Nguyễn Bảo	Yến	12-10-92	Nữ	500		

Tổng số 31 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:

Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VĂN BẢNG 2 CHÍNH QUY KHÓA 15

Họ tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai